TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Việt Hồng Phượng

2. Ông Lương Văn Cẩu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Tuyết P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn N huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết P và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2016 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong công việc làm ăn, về tiền bạc nên cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc. Tháng 5/2017, chị và anh Đ đã ly thân cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/8/2015. Hiện nay cháu Huy đang sống với chị Phượng. Sau khi ly hôn, chị Phượng yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Ngày 11/12/2017, anh Nguyễn Văn Đ có bản tự khai trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết Phượng và anh Nguyễn Văn Điền có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 5/2017, chị và anh Điền đã ly thân cho đến nay. Anh xác nhận không còn tình cảm với chị Phượng nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/8/2015. Hiện nay cháu H đang sống với chị P. Sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý cho chị P được tiếp tục nuôi con, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ngày 28/5/2018, Công an xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xác nhận Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị

đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị P và anh Đ có tổ chức đám cưới, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 13/9/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị P và anh Đ được đoàn tụ, nhưng anh Đ đều vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn của chị P, điều đó chứng tỏ anh Đ không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị P, anh chị đã ly thân trong thời gian dài nhưng anh chị không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị P cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với anh Đ. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

2.2 Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/8/2015. Hiện nay cháu H dưới 36 tháng tuổi, anh Đ và chị P đều thống nhất giao cháu H cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị P và anh Đ phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết P.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Tuyết P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/8/2015. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tuyết P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003190 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Tuyết P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2018). Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao